

Chương 1: SỰ RA ĐỜI CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VÀ CƯỜNG LĨNH ĐẦU TIÊN CỦA ĐẢNG

I. Hoàn cảnh ra đời

I.1 hoàn cảnh quốc tế:

- CNTB chuyển từ giai đoạn tự do cạnh tranh sang giai đoạn độc quyền đế quốc
- Sự ra đời của chủ nghĩa Mác-lenin: từ phong trào của giai cấp công nhân ở Phương tây
- Thắng lợi của cách mạng tháng 10 Nga và hoạt động của quốc tế cộng sản

2.2 hoàn cảnh trong nước

- Việt nam dưới ách thống trị của thực dân Pháp, chịu chính sách ngu dân của thực dân Pháp
 - + Về chính trị: thực dân Pháp thiết lập chế độ cai trị điển hình của CN thực dân kiểu cũ
 - + Về kinh tế: kết hợp quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa và quan hệ sản xuất phong kiến
 - + Về văn hóa: tiến hành chính sách ngu dân để dễ bề cai trị
- Bên cạnh đó trong xã hội VN cũng có sự phân hóa giai cấp và mâu thuẫn xã hội sâu sắc
 - + Sự phân hóa giai cấp
 - Địa chủ phân hóa thành: đại địa chủ có quyền lợi gắn chặt với thực dân Pháp là đối tượng cần đánh đổ của CM, trung tiểu địa chủ có tinh thần dân tộc tham gia vào đấu tranh CM nhưng không thể lãnh đạo CM
 - Giai cấp nông dân (chiếm 90% dân số) là động lực của CM chiếm số lượng áp đảo, là những người yêu nước có đời sống vô cùng cực khổ
 - G/C công nhân: ra đời trong quá trình khai thác bóc lột thuộc địa của thực dân Pháp, đang tăng nhanh về số lượng và trưởng thành về chất lượng. là giai cấp mang bản chất cách mạng

- G/c tư sản được phân hóa thành: TS mại bản có quyền lợi gắn chặt với thực dân Pháp là đối tượng của CM, TS dân tộc có tinh thần yêu nước tinh thần dân tộc sẵn sàng tham gia chiến đấu nhưng không thể làm lãnh đạo, tiểu tư sản đang ngày càng trở nên đông đảo bao gồm thanh niên sinh viên trí thức làm nghề tự do có địa vị kinh tế bấp bênh hay ngã nghiêng giao động nhưng có tinh thần yêu nước hăng hái tham gia CM

***Tính chất và mâu thuẫn trong XHVN**

- tính chất:

+ XHVN từ xã hội phong kiến thuần nhất chuyển sang xã hội thuộc địa nửa phong kiến

-Mâu thuẫn XH

+Mâu thuẫn g/c: g/c nông dân >< g/c Phong kiến

+ Mâu thuẫn dân tộc: toàn bộ dân tộc VN >< thực dân Pháp (lớn hơn nên được ưu tiên)

⇒ Nhiệm vụ 1. Đánh đuổi thực dân Pháp giành độc lập dân tộc

⇒ Nhiệm vụ 2. Đánh đuổi Phong kiến giành ruộng đất cho dân cày

II. Phong trào yêu nước và khuynh hướng PK và TS cuối tk19 đầu tk 20

***Khuynh Hướng phong kiến:**

-Phong trào cần vương (1885-1896)

- Khởi nghĩa của nhân dân Yên Thế (hoàng Hoa Thám) (1884-1913)

***Khuynh hướng TS**

Trước chiến tranh thế giới thứ 1: xu hướng bạo động của Phan Bội Châu, xu hướng cải cách của Phan Châu Trinh

Sau chiến tranh thế giới thứ 1: phong trào yêu nước dân chủ công khai (1925-1926), phong trào cách mạng quốc gia tiêu biểu là hoạt động của VN quốc dân đảng và khởi nghĩa Yên Bái.

***Khuynh hướng vô sản:**

*Nguyễn Ái Quốc chuẩn bị điều kiện chính trị tư tưởng tổ chức cho việc thành lập đảng cộng sản VN

- Nguyễn Ái Quốc tìm đường cứu nước từ năm 1911-1920:

-1921-1923 Hoạt động tại pháp

-1922-1924: Hoạt động tại Liên Xô

-1924-1927: Hoạt động tại Trung Quốc

-t6/1925: thành lập hội Viên Nam cách Mạng thanh niên- đây là tổ chức tiên thân có ý nghĩa quyết định về mặt tổ chức cho sự ra đời của ĐCSVN

(câu hỏi thêm: Hoạt động nào có ý nghĩa quyết định về mặt tổ chức cho sự ra đời của ĐCSVN?. Trả lời: t6/1925: NAQ thành lập hội VN cách mạng thanh niên)

-Đầu năm 1927, Người xuất bản cuốn Đường Cách Mệnh là tác phẩm vạch ra những phương hướng cơ bản của CM giải phóng dân tộc ở VN

+ kẻ thù của CM: thực dân Pháp và địa chủ PK

+ tính chất nhiệm vụ CM: CM giải phóng dân tộc tiến lên CNXH

+ Lực lượng CM: do nhân dân ta tự làm lấy trong đó công – nông là gốc của CM

+ Đoàn kết quốc tế: CMVN là bộ phận của CM thế giới

+ Về Đảng: phải có đảng cách mệnh, đảng phải lấy chủ nghĩa Mác-lenin làm cốt

+ Về phương pháp cách mạng: giác ngộ tổ chức quần chúng CM, làm quần chúng hiểu rõ mục đích cách mạng, đoàn kết để đánh đổ g/c bóc lột mình

-1927-1929: Người hoạt động ở nước ngoài nhưng vẫn theo dõi sát sao hoạt động trong nước

*Sự ra đời của các tổ chức cộng sản ở VN

- Đông dương CS đảng (6/1929)

- An nam CS đảng (8/1929)

- Đông dương CS liên đoàn (9/1929)

III. Hội nghị thành lập Đảng và cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng

**Đại hội thành lập đảng*

- Diễn ra từ 6/1/1930-8/2/1930: tại Hương Cảng Hồng Kong Trung Quốc
- nội dung: thống nhất lấy tên đảng là ĐCSVN

Thống nhất cương lĩnh văn tắt, sách lược văn tắt, chương trình và điều lệ tóm tắt do Nguyễn Ái quốc soạn thảo

Bầu ban chấp hành trung ương lâm thời

- 24/02/1930: Đông Dương cộng sản liên đoàn xin gia nhập ĐCSVN

**Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng*

- Văn kiện đầu tiên: Chính cương văn tắt

Sách lược văn tắt

Chương trình tóm tắt

Điều lệ tóm tắt

- Nội dung

+ Phương hướng chiến lược: “tư sản dân quyền cách mạng” và “thổ địa cách mạng” đi lên XHCS

+ Nhiệm vụ cách mạng tư sản và thổ địa CM:

- ✓ Chính trị: đánh đổ đế quốc Pháp và bọn PK làm cho đất nước ta hoàn toàn độc lập; dựng ra chính phủ công nông binh và tổ chức quân đội công nông.
- ✓ Kinh tế: thủ tiêu hết quốc trái, thu hết sản nghiệp lớn của đế quốc Pháp, tư bản giao cho chính phủ công nông; thu ruộng đất của đế quốc làm của công, giao cho dân cày nghèo, bỏ điều thuế cho dân cày
- ✓ VH-XH: xây dựng các lớp bình dân học vụ thanh toán nạn mù chữ

+ Lực lượng CM: g/c công nhân, nông dân, tiểu tư sản, tiểu địa chủ, tư sản dân tộc

+ quan hệ quốc tế: CM VN là một bộ phận của cách mạng thế giới

=> Đánh giá: Cương lĩnh đã phát triển một số điểm quan trọng trong tác phẩm đường cách mệnh và vạch ra đường lối cách mạng đúng đắn sáng tạo cho CMVN mà không chịu ảnh hưởng của khuynh hướng tả khuynh của quốc tế CS. Cương lĩnh mang tính khoa học và cách mạng triệt để, vừa mang đậm tính dân tộc vừa thấm nhuần quan điểm giai cấp

CHƯƠNG 2: ĐƯỜNG LỐI ĐẤU TRANH DÀNH CHÍNH QUYỀN

I. Chủ trương đấu tranh từ 1930-1945

1. trong những năm 1930-1945

a) Luận cương chính trị tháng 10/1930

- Sự ra đời của luận cương: tại hội nghị ban chấp hành TW đảng lần thứ 1 tháng 10/1930 đã quyết định đổi tên đảng thành đảng cs Đông Dương và thông qua luận cương chính trị do đồng chí Trần Phú soạn thảo

b) Nội dung

- Mâu thuẫn cơ bản của Đông Dương là mâu thuẫn giai cấp
- phương hướng chiến lược CM tháng 8 dân quyền có tính chất thổ địa, tiền đề để đi đến XHCS bỏ qua thời kì TBCN
- Nhiệm vụ của cách mạng tư sản dân quyền:
 - + đánh đổ phong kiến làm cách mạng ruộng đất
 - + đánh đổ đế quốc Pháp làm cho đông dương hoàn toàn độc lập
- Những vấn đề thổ địa là cái cốt của CM dân quyền
- Lực lượng cách mạng: là công nhân nông dân. Công nhân là giai cấp lãnh đạo
- Phương pháp cách mạng: sử dụng vũ trang bạo động để dành chính quyền
- Quan hệ quốc tế: cách mạng đông dương là một bộ phận của cách mạng thế giới
- Về đảng: sự lãnh đạo của đảng là điều kiện cốt yếu cho thắng lợi của cuộc cách mạng, Đảng phải lấy chủ nghĩa Mác-lenin làm nền tảng tư tưởng

***SO SÁNH**

	Cương lĩnh chính trị	Luận cương chính trị
Xác định mâu thuẫn cơ bản	Mâu thuẫn dân tộc	Mâu thuẫn giai cấp
Nhiệm vụ cơ bản của CMTS dân quyền	Nhiệm vụ dân tộc	Nhiệm vụ giai cấp
Lực lượng cách mạng	g/c công nhân, nông dân, tiểu tư sản, tiểu địa chủ, tư sản dân tộc của mình là ĐCSVN	G/c công nhân nông dân.

Đánh giá:

<u>Ưu điểm</u>	<u>Nhược điểm</u>
<u>Luận cương chính trị khẳng định lại những vấn đề mà cương lĩnh chính trị đã nêu ra như xác định mục tiêu, tính chất CM lãnh đạo CM</u>	<p><u>Luận cương khon nêu ra những mâu thuẫn chủ yếu trong XH là mâu thuẫn dân tộc từ đó không đặt nhiệm vụ chống đế quốc lên hàng đầu</u></p> <p><u>Đánh giá không đúng vai trò cách mạng của tầng lớp tiểu TS phủ nhận mặt tích cực của địa chủ yêu nước và tư sản dân tộc</u></p>
<u>Nguyên nhân hạn chế</u>	<p><u>Luận cương chưa tìm ra và nắm vững những vấn đề trong XH thuộc địa nửa PK ở VN</u></p> <p><u>Do nhận thức giáo điều máy móc về vấn đề dân tộc và giai cấp trong cách mạng thuộc địa và chịu ảnh hưởng của khuynh hướng tả khuynh của quốc tế CS</u></p>

2. trong những năm 1936-1939

a. Hoàn cảnh lịch sử

** tình hình thế giới*

- khủng hoảng năm 1929-1930 gây thiệt hại nghiêm trọng nặng nề cho tư bản thế giới
- Chủ nghĩa phát xít đã xuất hiện và thắng thế ở Đức, Ý, Nhật
- Đại hội lần thứ 7 quốc tế cộng sản tháng 7/1935 đã chỉ ra kẻ thù chính và xác định nhiệm vụ trước mắt của cách mạng thế giới là đấu tranh chống chủ nghĩa phát xít
- Ở nước Pháp năm 1936 chính phủ mặt trận bình dân ra đời trên cơ sở liên minh đảng XH và đảng CS pháp

** tình hình trong nước*

- Chính quyền phản cách mạng ở đông dương ra sức bóc lột khủng hoảng phong trào đấu tranh của nhân dân ta
- Phong trào cách mạng nước ta đã phục hồi, sẵn sàng bước vào cuộc đấu tranh mới

b. Chủ trương và nhận thức mới của Đảng

- Sự chuyển hướng chỉ đạo được thể hiện qua Hội nghị ban chấp hành trung ương đảng lần thứ 2 (7/1936) bổ sung qua các hội nghị trung ương tháng 3/1937, 9/1937, 3/1938.

** Nội dung:*

- Tư tưởng chỉ đạo chiến lược: Đảng chủ trương đấu tranh đòi dân chủ dân sinh
- Xác định kẻ thù : bọn phản động tay sai
- Nhiệm vụ trước mắt: chống phát xít bọn phản động thuộc địa và tay sai; đòi tự do dân chủ cơm áo hòa bình
- Mặt trận đoàn kết: Lập mặt trận Nhân dân phản đế đông dương đến tháng 3 năm 1938 đổi tên thành mặt trận Dân chủ Đông Dương.

-Hình thức đấu tranh: chuyển từ bí mật bất hợp pháp sang công khai nửa công khai

- Đoàn kết quốc tế: đoàn kết chặt chẽ với giai cấp công nhân và đảng cộng sản Pháp

-Nhận thức: Nhận thức mối quan hệ giữa nhiệm vụ dân tộc và dân chủ, phản đế và điền địa, tùy theo điều kiện tình hình thực tế có thể tập trung đánh đế quốc rồi mới giải quyết vấn đề điền địa cũng có thể liên tiếp giải quyết 2 vấn đề.

- Chủ trương nhận thức của đảng được thể hiện qua các văn kiện: xung quanh vấn đề chính sách mới (10/1936), tuyên ngôn của Đảng Cộng Sản Đông Dương đối với thời cuộc (3/1939), tác phẩm “tự chỉ trích” - Nguyễn Văn Cừ (7/1939)

*Đánh giá chung:

- Những chủ trương đúng đắn của đảng đã giải quyết những vấn đề trước mắt của đất nước và lâu dài; phù hợp với tình hình thực tiễn đáp ứng được nhu cầu của CM

- Giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa nhiệm vụ dân tộc và nhiệm vụ giai cấp giữa phong trào cách mạng đông dương và cách mạng thế giới. Tập hợp lực lượng rộng rãi trong toàn dân tộc liên minh công nông được củng cố vững chắc.

II. Sự chuyển hướng chiến lược của Đảng

1. hoàn cảnh lịch sử và sự chuyển hướng chiến lược của Đảng

a. Hoàn cảnh thế giới và trong nước:

- thế giới: 1939: + phát xít Đức tấn công Ba lan mở đầu cho cuộc chiến tranh thế giới thứ 2

+ 6/1940: Đức tấn công Pháp chính phủ Pháp đầu hàng Đức

+ 6/1941: Đức tấn công Liên Xô

- trong nước: + Chính quyền phản động ở đông dương thủ tiêu mọi quyền dân chủ của nhân dân,

+ Lợi dụng Pháp thua Đức, phát xít Nhật vào đông dương,
Pháp kí hiệp ước đầu hàng Nhật

b. Chuyển hướng chiến lược

- sự chuyển hướng chiến lược được thể hiện qua các hội nghị: hội nghị thứ 6 (11/1939), thứ 7 (1940), thứ 8 (5/1941)

**Nội dung:*

- Xác định mâu thuẫn chủ yếu là mâu thuẫn dân tộc

- Đưa ra nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu. Đó là nhiệm vụ trọng tâm của cách mạng Việt Nam lúc này

- Khẩu hiệu đấu tranh: tịch thu ruộng đất của Việt gian chia cho dân cày nghèo; thành lập chính phủ liên bang cộng hòa dân chủ Đông Dương (đến năm 1941 thành lập nước Việt Nam dân chủ cộng hòa).

- Mặt trận đoàn kết: thành lập mặt trận dân tộc thống nhất phản đế Đông Dương (1939) đến năm 1941 thành lập mặt trận VN độc lập đồng minh

(Câu hỏi: Cơ sở nào thành lập mặt trận VN độc lập đồng minh? Trả lời: thứ 1, dựa trên cơ sở thực tiễn lý luận: dựa theo quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lenin là CM là sự nghiệp của toàn dân. Thứ 2, dựa trên thực tiễn VN: Đảng chủ trương thực hiện giải quyết các vấn đề dân tộc trong phạm vi các nước đông dương; Việt Nam theo sáng kiến của Nguyễn Ái Quốc thành lập mặt trận này)

- Phương pháp đấu tranh: sử dụng bạo lực cách mạng của quần chúng. Kết hợp 2 lực lượng là lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang. Kết hợp 2 hình thức đấu tranh là đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang. Chuẩn bị lực lượng để tiến hành tổng khởi nghĩa khi thời cơ chín muồi.

- Đảng chủ trương giải quyết vấn đề dân tộc ở mọi nước đông dương

c. Ý nghĩa của sự chuyển hướng chiến lược

- Hoàn chỉnh việc chuyển hướng chiến lược cách mạng nhằm giải quyết các nhiệm vụ cách mạng. Sự chuyển hướng này thể hiện sự tài tình sáng suốt của đảng và Bác Hồ

- Xây dựng được hình thức mặt trận đoàn kết dân tộc phù hợp. Đó là mặt trận Việt minh. Xây dựng được lực lượng chính trị lực lượng vũ trang chuẩn bị tiến tới tổng khởi nghĩa dành chính quyền.

2. Chủ trương phát động tổng khởi nghĩa dành chính quyền

a. Phát động cao trào kháng nhật cứu quốc và đẩy mạnh khởi nghĩa từng phần

-* Cao trào kháng Nhật cứu quốc

- hoàn cảnh lịch sử:

+ Cuối 1944 đầu 1945 chiến tranh thế giới thứ 2 bước vào giai đoạn kết thúc tại Đông Dương. Mâu thuẫn Pháp Nhật ngày một gay gắt

+ đêm 9/3/1945 Nhật đảo chính Pháp chiếm được Đông Dương

- Chủ trương phát động cao trào kháng nhật cứu quốc

+ 12/3/1945 ban thường vụ trung ương đảng ra chỉ thị Nhật Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta

(Câu hỏi: văn kiện nào của Đảng được phát động trong phong trào kháng Nhật cứu quốc? Trả lời: VB: Nhật Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta)

+Nội dung:

- Đánh giá tình thế cách mạng sự diễn biến: đêm 12/3/1945 tạo ra sự khủng hoảng chính trị sâu sắc nhưng điều kiện khởi nghĩa vẫn chưa thực sự chín muồi tuy vậy hiện đang có những cơ hội tốt làm cho những điều kiện của tổng khởi nghĩa nhanh chóng được chín muồi
- Đối tượng của cách mạng: Phát xít Nhật: kẻ thù chính, duy nhất của dân nhân đông dương
- Nhiệm vụ trước mắt: phát động một cao trào kháng nhật cứu quốc mạnh mẽ làm tiền đề cho tổng khởi nghĩa
- Dự đoán thời cơ tổng khởi nghĩa: là khi quân đồng minh kéo vào Đông Dương đánh Nhật hoặc là khi cách mạng Nhật bùng nổ

b. Chủ trương phát động tổng khởi nghĩa

- hội nghị toàn quốc của Đảng diễn ra tại Tân Trào Tuyên Quang từ ngày 13-15/8/1945 đã ra quyết định tổng khởi nghĩa dành chính quyền từ tay phát xít Nhật và tay sai trước khi quân đồng minh vào đông dương
- những nguyên tắc để chỉ đạo khởi nghĩa: tập trung, thống nhất, kịp thời
- Hội nghị quyết định những vấn đề quan trọng về chính sách đối nội đối ngoại cần thiết sau khi dành được chính quyền
- Đêm 13/8/1945: UB khởi nghĩa toàn quốc ra lệnh tổng khởi nghĩa
- 16/8/1945: đại hội toàn quốc tại Tân Trào đã tán thành chủ trương của Đảng và 10 chính sách của Việt Minh quyết định thành lập UB giải phóng dân tộc VN do HCM làm chủ tịch khi cần thiết UB này sẽ chuyển thành chính phủ lâm thời của nước VNDCCH

CHƯƠNG 3: ĐƯỜNG LỐI KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP VÀ ĐẾ QUỐC MỸ XÂM LƯỢC (1945-1975)

I. Đường lối xây dựng và bảo vệ chính quyền chống thực dân Pháp xâm lược

1. chủ trương xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng 1945-1975

a. Hoàn cảnh lịch sử của nước ta sau cách mạng tháng 8

- thuận lợi:

- + Phong trào cách mạng thế giới đang phát triển mạnh
- + hệ thống xã hội chủ nghĩa được mở rộng
- + VN: chính quyền đã về tay nhân dân
- + Toàn dân tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng và Bác Hồ (quan trọng)

- Khó khăn:

- + chính quyền cách mạng còn non trẻ
- + thù trong giặc ngoài
- + từ vĩ tuyến 16 ra bắc: 20 vạn quân Tưởng (phía sau là Mỹ)

- + từ vĩ tuyến 16 vào Nam: 2 vạn quân Anh
- + 23/9/1945: Pháp tấn công Sài Gòn
- + Ngoài ra trên nước ta còn có 6 vạn quân Nhật đang chờ giải giáp vũ khí
- + Các tổ chức phản động: Việt Quốc, Việt Cách,... âm mưu lật đổ chính quyền cách mạng còn non trẻ
- + khó khăn nghiêm trọng về kinh tế xã hội: Nông-Công nghiệp kiệt quệ; tài chính quẫn bách; 95% dân số mù chữ

b. Chủ trương kháng chiến kiến quốc của Đảng:

-Chỉ thị kiến quốc của Đảng (25/11/1945) đã vạch ra chủ trương và nhiệm vụ cho cách mạng VN

- + Chỉ đạo chiến lược cách mạng VN vẫn là CM dân tộc giải phóng
- + Khẩu hiệu: “Dân tộc là trên hết, tổ quốc là trên hết”
- + Kẻ thù chính của nước ta: Thực dân Pháp
- + Nhiệm vụ của CM: củng cố chính quyền, chống thực dân Pháp xâm lược, cải thiện đời sống nhân dân, bài trừ tội phạm
- Biện pháp thực hiện:
 - + Nội chính: xúc tiến bầu cử quốc hội, thành lập chính phủ lâm thời, thông qua hiến pháp, củng cố chính quyền nhân dân.
 - + Quân sự: động viên lực lượng toàn dân, kiên trì kháng chiến, tổ chức lãnh đạo kháng chiến lâu dài
 - +Ngoại giao: kiên trì với nguyên tắc bình đẳng tương trợ thêm bạn bớt thù, thực hiện khẩu hiệu “Hoa-Việt thân thiện”, chủ trương độc lập về chính trị nhân nhượng về kinh tế với Pháp

**Ý nghĩa bản chỉ thị*

- bản chỉ thị đã giải quyết kịp thời những vấn đề quan trọng về chỉ đạo chiến lược và sách lược của cách mạng một cách khôn khéo, trong tình thế vô cùng hiểm nghèo của nước nhà

- Đây là tư tưởng chỉ đạo chiến lược mới của Đảng và chủ tịch HCM để phát huy cao nhất sức mạnh đại đoàn kết dân tộc để tăng cường lực lượng cách mạng góp phần giữ vững chính quyền đi đôi với bảo vệ chế độ

2. Đường lối chống thực dân Pháp xâm lược và xây dựng chế độ dân chủ nhân dân (1946-1954)

a. Quá trình hình thành nội dung đường lối

*Hoàn cảnh lịch sử:

- Thực dân Pháp bội ước. Mở rộng chiến tranh ở Nam bộ tiếp tục gây xung đột lớn ở bắc bộ

- 18-19/12/1946 Pháp gửi tối hậu thư buộc chính phủ ta phải đầu hàng

- Đảng họp hội nghị mở rộng ở Vạn Phúc, quyết định phát động toàn quốc kháng chiến chống thực dân Pháp

- đường lối kháng chiến của Đảng được thể hiện qua các văn kiện lớn:

+ Chỉ thị toàn dân kháng chiến của TW Đảng (12/12/1946)

+ Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của HCM (19/12/1946)

+ Tác phẩm: kháng chiến nhất định thắng lợi (1947)

*Nội dung đường lối kháng chiến:

- Mục đích: Tiếp tục sự nghiệp cách mạng t8 đánh phản động, thực dân Pháp xâm lược giành thống nhất và độc lập

- Tính chất: Dân tộc độc lập, dân chủ mới

- Phương châm kháng chiến: + toàn dân toàn diện lâu dài

+ dựa vào sức mình là chính

(Câu hỏi: vì sao kháng chiến lại là toàn dân toàn diện lâu dài? Trả lời: thứ nhất k/c toàn dân vì dựa trên cơ sở lý luận của CN Mac-lenin và thực tiễn dân tộc ta do Pháp rất mạnh nên nd ta phải đoàn kết, nd VN có tinh thần đoàn kết và yêu nước sâu sắc nên cần phát huy tính toàn dân, lực lượng chính của CM là toàn dân; thứ 2 k/c toàn diện vì Pháp không đánh ta trên 1 mặt trận mà đánh trên tất cả mặt trận đặc biệt là mặt trận quân sự)

-Triển vọng kháng chiến: mặc dù lâu dài gian khổ nhưng nhất định sẽ dành thắng lợi

- ý nghĩa đường lối :

- + là sự kế thừa những kinh nghiệm đánh giặc của tổ tiên
- + vận dụng sáng tạo những nguyên lý cơ bản CN Mác-Lenin
- + có tác dụng đưa cuộc kháng chiến nhanh chóng vào Ổn định và phát Triển đúng hướng từng bước đi đến thắng lợi vẻ vang

b.Phát triển đường lối kháng chiến giai đoạn 1951-1954 (đại hội Đảng lần 2)

- Hoàn cảnh lịch sử:

- thế giới:

- + 1950 Liên Xô TQ đặt quan hệ ngoại giao với nhau

-Trong nước:

+ cuộc kháng chiến của nhân dân ta liên tiếp dành thắng lợi đặc biệt là chiến thắng biên giới 1950

+ đế quốc Mỹ ngày càng can thiệp sâu vào đông dương: vừa giúp đỡ Pháp vừa tìm cơ hội hất cẳng Pháp

**Đại hội đảng lần thứ 2 (2/1951)*

- đã phát triển đường lối của đảng thông qua chính cương của đảng lao động VN

- Nội dung:

+ xác định tính chất XH VN: dân chủ nhân dân; một phần thuộc địa; nửa phong kiến

+ Đối tượng CM: đối tượng chính: Pháp và Mỹ đối tượng phụ là phong kiến phản động

+ nhiệm vụ cách mạng: thứ 1, đánh đuổi đế quốc thực dân giành độc lập cho dân tộc; thứ 2, xóa bỏ di tích của phong kiến làm cho người cày có ruộng, phát triển chế độ dân chủ nhân dân

+ động lực cách mạng: giai cấp công nông dân, tiểu tư sản

+ Tính chất cách mạng: cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân

+ Triển vọng cách mạng: sau khi giành thắng lợi sẽ tiến lên xây dựng CNXH

+ Quan hệ quốc tế: VN đứng về phe hòa bình dân chủ phải tranh thủ sự giúp đỡ của các nước XHCN và nhân dân thế giới

-Đánh giá:

+ Từ chỉ thị kháng chiến kiến quốc, toàn dân kháng chiến đến tác phẩm kháng chiến nhất định thắng lợi đến chính cương của đảng đã thể hiện sự bổ sung phát triển hoàn thiện đường lối. Điều này chứng tỏ sự trưởng thành vượt bậc của Đảng không chỉ trên phương diện hoạch định đường lối mà còn là sự trưởng thành trên thực tiễn lãnh đạo cách mạng của mình.

II. Đường lối kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954-1975)

1. Đường lối giai đoạn 1954-1964

* Hoàn cảnh lịch sử.

- thế giới: + phong trào cách mạng thế giới tiếp tục phát triển. Đế quốc Mỹ chạy đua vũ trang.

- Trong nước: + Miền bắc hoàn toàn giải phóng tạo điều kiện đưa miền bắc đi lên CNXH

+ Miền nam mỹ đã dựng lên chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm âm mưu chia cắt lâu dài miền Nam VN

* Quá trình hình thành nội dung và ý nghĩa đường lối

- Các văn kiện chính trị tiêu biểu: nghị quyết của bộ chính trị (9/1954); hội nghị lần thứ 7 (3/1955) thứ 8 (8/1955) thứ 13(12/1957) thứ 14 (11/1958)

* Đường lối chiến lược của Đại hội 3

- Tăng cường đoàn kết toàn dân kiên quyết đấu tranh giữ gìn hòa bình
- đẩy mạnh xhcn ở miền bắc và cách mạng giải phóng dân tộc ở Miền Nam
- Thực hiện thống nhất nước nhà trên cơ sở độc lập dân chủ
- Xây dựng nước VN hòa bình, thống nhất, độc lập dân chủ và giàu mạnh
- Nhiệm vụ của cách mạng mỗi miền:

+ miền bắc: đẩy mạnh cách mạng XHCN

+ miền nam: tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ

- Mối quan hệ: gắn bó khăng khít và thúc đẩy lẫn nhau

- vị trí của cách mạng mỗi miền:

+ Miền bắc: giữ vai trò quyết định nhất

+ Miền nam: giữ vai trò trực tiếp

- Con đường thống nhất đất nước: kiên trì với con đường hòa bình thống nhất theo tinh thần hiệp định Giơ-ne-vơ, sẵn sàng hiệp thương tổng tuyển cử nhưng luôn phải đề cao cảnh giác sẵn sàng đối phó với mọi tình thế nếu đế quốc Mỹ và tay sai gây chiến tranh thì ta sẽ kiên quyết chống lại

- Triển vọng cách mạng: cuộc đấu tranh của nhân dân ta là cuộc cách mạng gian khổ, phức tạp, lâu dài nhưng nhất định sẽ thắng lợi

(Câu hỏi: chỉ ra nội dung đại hội 3. dựa trên cơ sở nào mà đảng đề ra đường lối sáng tạo như vậy? Trả lời: thứ nhất dựa trên cơ sở lý luận: lý luận CN mác-lenin là chiến tranh và cách mạng không ngừng. Thứ 2, cơ sở thực tiễn: hoàn cảnh nước ta đang bị chia cắt 2 miền vì miền bắc đã hoàn toàn giải phóng nên tạo đk cho miền bắc đi lên CNXH là hậu phương của miền nam, còn miền nam đang trong quá trình cách mạng giải phóng dân tộc đánh đuổi đế quốc và tay sai)

**Ý nghĩa đường lối:*

- thể hiện tư tưởng chiến lược của đảng là độc lập dân tộc gắn liền với CNXH do đó đã phát huy cao độ sức mạnh của nhân dân cả nước tranh thủ được sự giúp đỡ quốc tế đánh thắng giặc Mỹ xâm lược

-Thể hiện sự đúng đắn sáng tạo đầy tinh thần độc lập tự chủ của đảng ta thúc đẩy giải quyết 2 nhiệm vụ của cách mạng là giải phóng dân tộc và đi lên XHCN

- Đường lối của đảng là cội nguồn của những thắng lợi của 2 miền sau này

2. Đường lối giai đoạn 1965-1975

a. Hoàn cảnh lịch sử

-Thuận lợi

+Miền bắc đã hoàn thành kế hoạch 5 năm lần thứ nhất

+Miền nam: chiến lược chiến tranh đặc biệt đã bị phá sản

-Khó khăn:

+ Sự bất đồng giữa Liên Xô và TQ ngày càng gay gắt và không có lợi cho CMVN

+Miền nam: Mỹ đang thực hiện chiến lược chiến tranh cục bộ đưa quân đội viễn chinh Mỹ và quân đồng minh vào trực tiếp tham chiến ở miền nam VN làm cho tương quan lực lượng không có lợi cho cách mạng nước ta

+Miền bắc: Mỹ mở rộng chiến tranh phá hoại ra miền bắc nhằm ngăn chặn sự chi viện của miền bắc vào miền nam phá hoại công cuộc xây dựng CNXH ở miền bắc

b. Đường lối kháng chiến:

-Nhận định tình hình:

+mặc dù Mỹ đưa vào VN hàng vạn quân viễn chinh nhưng so sánh lực lượng ta với địch vẫn không có nhiều thay đổi ta vẫn giữ được thế chủ động.

-Quyết tâm và mục tiêu chiến lược

+Nhân dân ta quyết tâm chống Mỹ bảo vệ miền bắc, giải phóng miền nam, hướng tới thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà

-Phương châm chỉ đạo chiến lược:

+Thực hiện kháng chiến lâu dài dựa vào sức mình là chính càng đánh càng mạnh, cố gắng đến mức cao độ tập trung lực lượng vào cả 2 miền để mở rộng cuộc tiến công lớn tranh thủ thời cơ dành thắng lợi quyết định

(Câu hỏi: nội dung nào thể hiện đường lối chiến tranh nhân dân toàn dân toàn diện lâu dài dựa vào sức mình là chính? Trả lời: phương châm chỉ đạo chiến lược)

-Tư tưởng chỉ đạo phương châm đấu tranh ở miền nam:

+giữ vững và phát triển thế tiến công, kiên quyết tiến công và liên tục tiến công kết hợp đấu tranh chính trị và đấu tranh quân sự vận dụng và sử dụng triệt để 3 mũi giáp công (quân sự, chính trị, binh vận) đánh địch trên cả 3 vùng chiến lược (miền núi, đô thị, nông thôn)

-Tư tưởng chỉ đạo đối với miền bắc:

+chuyển hướng xây dựng kinh tế đảm bảo tiếp tục xây dựng miền bắc vững mạnh về kinh tế quốc phòng trong điều kiện có chiến tranh

-Mối quan hệ giữa cách mạng 2 miền: mối quan hệ hậu phương tiền tuyến trong đó miền bắc là hậu phương lớn miền nam là chiến trường lớn.

**Ý nghĩa:*

-thể hiện quyết tâm đánh Mỹ thắng Mỹ

-tinh thần cách mạng tiến công, tinh thần độc lập tự chủ sự kiên trì vì mục tiêu giải phóng miền Nam thống nhất đất nước

- thể hiện tư tưởng nắm vững và giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và CNXH tiếp tục tiến hành đồng thời kết hợp chặt chẽ 2 chiến lược cách mạng trong trường hợp cả nước có chiến tranh

-Đường lối chiến tranh nhân dân toàn dân toàn diện lâu dài dựa vào sức mình là chính được phát triển trong hoàn cảnh mới.

CHƯƠNG 4: ĐƯỜNG LỐI CÔNG NGHIỆP HÓA

I.Công nghiệp hóa thời kì trước đổi mới

1. chủ trương của đảng về công nghiệp hóa

**đặc trưng công nghiệp hóa trước đổi mới*

- CNH trước đổi mới hướng về mục tiêu chủ yếu là nâng cao khả năng tự đáp ứng được nhu cầu của sản xuất và đời sống trong nước theo xu hướng kinh tế đóng kín và khép kín
- CNH trước đổi mới ưu tiên phát triển công nghiệp nặng, cơ cấu sản xuất đầu tư đều hướng vào công nghiệp nặng
- CNH XHCN trước đổi mới hầu như đều dựa vào nguồn lực bên ngoài, do nhà nước đầu tư hoặc dựa vào lợi thế lao động và tài nguyên
- Cơ chế quản lý của nhà nước: cơ chế kế hoạch hóa tập trung bao cấp do nhà nước điều khiển
- CNH trước đây được quan niệm theo trình độ cơ giới hóa nhằm thay thế sức lao động từ thủ công sang máy móc
- trong quá trình CNH ta còn nóng vội giản đơn duy ý chí ham làm nhanh làm lớn mà ít nghĩ đến hậu quả kinh tế Xh

II.Công nghiệp hóa thời kì đổi mới

1. Quá trình đổi mới tư duy từ đại hội (ĐH) 6 đến 11

- ĐH đảng thứ 6 (12/1986) đã khởi xướng công cuộc đổi mới toàn diện trong đó có đường lối CNH. ĐH đã chỉ ra những sai lầm trong nhận thức và chủ trương CNH thời kì trước đổi mới.
- ĐH đã cụ thể hóa nội dung chính của CNH XHCN là thực hiện cho bằng được 3 chương trình kinh tế lớn: lương thực thực phẩm, hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu.
- Hội nghị TW7 (1994) đã đưa ra định nghĩa đúng đắn về CNH
- ĐH 8 (1996) quyết định đưa nước ta sang thời kì mới đẩy mạnh CNH HĐH
 - +Nêu ra quan điểm về CNH và định hướng nội dung cơ bản CNH HĐH

1.Giữ vững độc lập tự chủ đi đôi với mở rộng hợp tác quốc tế, đa phương hóa đa dạng hóa quan hệ đối ngoại

2. CNH HĐH là sự nghiệp của toàn dân của toàn thành phần kinh tế trong đó thành phần kinh tế nhà nước đóng vai trò chủ đạo
3. Lấy con người làm yếu tố cơ bản để phát triển nhanh và bền vững
4. KH-CN là động lực của CNH HĐH
5. Lấy hiệu quả kinh tế xã hội làm tiêu chuẩn cơ bản để xây dựng phương hướng phát triển lựa chọn dự án đầu tư
6. Kết hợp kinh tế và quốc phòng an ninh

ĐH 9 của đảng (4/2001) và ĐH 10 (4/2006) (đổi mới tư duy ĐH 9 ĐH 10)

- Con đường công nghiệp hóa ở nước ta cần và có thể rút ngắn khoảng cách so với các nước đi trước.
- Hướng CNH HĐH của nước ta phát triển nhanh và có hiệu quả ở các sản phẩm các ngành các lĩnh vực có lợi thế đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu
- CNH HĐH phải đảm bảo xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ chủ động hội nhập KT QT
- Đẩy nhanh CNH HĐH nông nghiệp nông thôn và nâng cao năng suất sản phẩm nông nghiệp
- ĐH 11 (2011) thông qua cương lĩnh xây dựng đất nước thời kì quá độ đi lên CNXH. ĐH đã bổ sung phát triển định hướng CNH HĐH
 - + Đổi mới mô hình tăng trưởng và cơ cấu lại nền kinh tế từ chủ yếu phát triển theo chiều rộng sang phát triển theo chiều rộng và chiều sâu
 - + Gắn kết chặt chẽ giữa phát triển kinh tế và thực hiện tiến bộ công bằng xã hội bảo vệ môi trường tự nhiên

2. Mục tiêu và quan điểm CNH HĐH

a. Mục tiêu

- Trong dài hạn:

+ Cải tiến nước ta thành một nước công nghiệp có cơ sở vật chất kỹ thuật hiện đại có cơ cấu kinh tế hợp lý, có quan hệ sản xuất tiên bộ phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, có mức sống vật chất và tinh thần cao an ninh quốc phòng vững chắc.

- Cụ thể: Đại hội 10 đã xây dựng và đẩy mạnh CNH HĐH gắn với phát triển kinh tế tri thức sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển tạo nền tảng để đến năm 2020 đưa nước ta cơ bản thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

b. Quan điểm đại hội 10

- CNH gắn với HĐH và CNH HĐH gắn với kinh tế tri thức
- CNH HĐH gắn với phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập kinh tế quốc tế
- Lấy việc phát huy nguồn lực con người là yếu tố cơ bản cho sự phát triển bền vững
- Khoa học công nghệ là nền tảng động lực của CNH HĐH
- Phát triển nhanh hiệu quả bền vững, phát triển kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ và công bằng XH bảo vệ môi trường tự nhiên bảo tồn đa dạng sinh học

(Câu hỏi: trình bày quan điểm đh 8 đổi mới tư duy tại đh 9 10 ? Trả lời: nêu ra 6 quan điểm của đh 8 và 4 quan điểm của đh 9 10 đã nêu ở trên)

3. Nội dung và định hướng CNH HĐH gắn với kinh tế tri thức

a. Nội dung

- Phát triển mạnh các ngành và sản phẩm kinh tế có giá trị gia tăng dựa nhiều vào tri thức. Kết hợp với sử dụng nguồn tri thức con người VN và tri thức mới nhất của nhân loại
- coi trọng số lượng chất lượng của phát triển kinh tế trong từng bước phát triển của đất nước, ở từng vùng từng địa phương từng dự án KTXH
- Xây dựng cơ cấu kinh tế hiện đại và hợp lý theo từng ngành lĩnh vực lãnh thổ

- Giảm chi phí trung gian nâng cao năng suất lao động của mọi lĩnh vực nhất là những ngành có sức cạnh tranh cao

b. Định hướng

- Đẩy mạnh CNH HĐH nông nghiệp, nông thôn giải quyết đồng bộ các vấn đề về nông nghiệp nông thôn
- Phát triển công nghiệp xây dựng và dịch vụ
- Phát triển kinh tế vùng và biển
- Chuyển dịch cơ cấu lao động cơ cấu công nghệ
- Bảo vệ và sử dụng có hiệu quả tài nguyên quốc gia cải thiện môi trường tự nhiên

CHƯƠNG 5: ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XHCN

I. Quá trình đổi mới nhận thức về kinh tế thị trường

1. Cơ chế nền quản lý kinh tế thời kì trước đổi mới

a. Cơ chế kế hoạch hóa tập trung bao cấp

***đặc điểm chủ yếu**

- Nhà nước quản lý nền kinh tế chủ yếu dưới hình thức mệnh lệnh hành chính dựa trên hệ thống chỉ tiêu từ trên xuống dưới
- Các cơ quan hành chính can thiệp quá sâu vào hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp nhưng lại không chịu trách nhiệm về mặt vật chất và pháp lý đối với các quyết định của mình
- Quan hệ hàng hóa tiền tệ bị coi nhẹ chỉ là hình thức, quan hệ hiện vật là chủ yếu
- Bộ máy quản lý công kênh nhiều cấp trung gian vừa kém năng động vừa sinh ra đội ngũ quản lý kém năng lực
- hình thức chủ yếu của chế độ bao cấp là bao cấp qua giá, tem phiếu, chế độ cấp phát vốn của ngân sách theo cơ chế xin cho

* Đánh giá

- Ưu điểm:

+ Cơ chế này thích hợp với cơ chế tăng trưởng kinh tế theo chiều rộng, tập trung kinh tế tối đa trong tay nhà nước

- Hạn chế:

+ Không kích thích được tính năng động của các chủ thể kinh tế kìm hãm sự tiến bộ của KH-KT

+ Không quan tâm đến lợi ích của các cá nhân

+ Kìm hãm sự phát triển của lực lượng sản xuất từ đó làm khủng hoảng kinh tế xã hội

b. Tính tất yếu phải đổi mới cơ chế quản lý nền kinh tế

- Từ yêu cầu thoát khỏi khủng hoảng của nền kinh tế

- bản thân đảng đã có nhận thức mới về xây dựng CNXH và phát triển kinh tế trong thời kì quá độ đi lên CNXH

- những tác động về lý luận xã hội và công cuộc cải cách cải tổ Liên Xô và đông Âu

2. Sự hình thành tư duy của đảng về kinh tế thị trường thời kì đổi mới

a. Tư duy của đảng về kinh tế thị trường từ ĐH 6-8

- Kinh tế thị trường không phải cái riêng có của chủ nghĩa tư bản mà là thành tựu phát triển chung của nhân loại vì kinh tế thị trường là 1 giai đoạn tiến trình trong lịch sử nhân loại

- Kinh tế thị trường là phương thức vận hành nền kinh tế lấy cơ chế thị trường làm cơ sở phân bổ nguồn lực của nền kinh tế trong xã hội, điều tiết quan hệ kinh tế xã hội

- Kinh tế thị trường được ra đời từ kinh tế hàng hóa nhưng là trình độ cao hơn của kinh tế hàng hóa. Giữa kinh tế thị trường và kinh tế hàng hóa giống nhau về nguồn gốc và bản chất đều là dựa trên cơ sở phân công lao động và

sở hữu khác nhau về tư liệu sản xuất nhưng khác nhau về trình độ trong đó kinh tế thị trường là trình độ phát triển cao hơn

- Kinh tế thị trường tồn tại khách quan trong tiến trình quá độ đi lên CNXH

ĐH 7 (6/1991) đã đưa ra kết luận quan trọng về sản xuất hàng hóa không đối lập với CNXH nó tồn tại khách quan và cần thiết cho việc xây dựng CNXH

ĐH 8 (1996) đặc biệt nhấn mạnh đến yêu cầu nắm vững định hướng XHCN trong xây dựng nền kinh tế nhiều thành phần

+ Có thể và cần thiết sử dụng nền kinh tế thị trường trong việc xây dựng CNXH ở nước ta vì kinh tế thị trường là công cụ phương tiện để khai thác huy động sử dụng tối ưu các nguồn lực để tăng trưởng kinh tế CNXH

+ Kinh tế thị trường có đặc điểm chung:

++ Các chủ thể kinh tế có tính độc lập tự chủ cao.

++ Giải cả hình thành ngay trên thị trường do thị trường quyết định

++ nền kinh tế có tính mở cao hoạt động theo quy luật vốn có của kinh tế thị trường: quy luật giá trị quy luật cung cầu,...

++ Có hệ thống phát huy kiến toàn và sự quản lý vĩ mô của nhà nước

b. Tư duy của Đảng về kinh tế thị trường từ DH 9-11

ĐH 9 (4/2001)

- Xác định nền kinh tế thị trường định hướng XHCN là mô hình kinh tế tổng quát của nước ta trong thời kì quá độ đi lên CNXH

- KTTT định hướng XHCN là một kiểu kinh tế vừa tuân theo quy luật của kinh tế thị trường vừa dựa trên cơ sở chịu sự dẫn dắt và chi phối bởi các nguyên tắc và bản chất của CNXH

- Định hướng XHCN được thể hiện qua 3 mặt: sở hữu, tổ chức tự quản lý và phân phối

KTTT định hướng XHCN là

- +sở hữu toàn dân, toàn diện, tư nhân
- +quản lý thị trường và nhà nước
- +phân phối

ĐH 10 (2006) làm sáng tỏ những nội dung cơ bản của định hướng XHCN trong phát triển kinh tế thị trường ở nước ta thể hiện qua 4 tiêu chí:

1. Mục đích phát triển: mục tiêu của KTTT định hướng XHCN ở nước ta nhằm thực hiện dân giàu nước mạnh dân chủ công bằng văn minh
2. Phương hướng phát triển: phát triển kinh tế gắn với sở hữu nhiều thành phần kinh tế nhằm giải phóng mọi tiềm năng trong mọi thành phần kinh tế, mọi cá nhân, mọi vùng miền
3. Định hướng XHCN và phân phối
 - + thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách phát triển, tăng trưởng kinh tế gắn chặt và đồng bộ với phát triển XH
 - + Trong lĩnh vực phân phối định hướng XHCN được thể hiện ngay qua chế độ phân phối theo kết quả lao động, hiệu quả kinh tế, phúc lợi xã hội, mức đóng góp vốn
4. Quản lý: phát huy vai trò làm chủ của nhân dân đảm bảo vai trò quản lý điều tiết nền kinh tế của nhà nước dưới sự lãnh đạo của Đảng

ĐH11 và cương lĩnh 2011 đã bổ sung và phát triển cương lĩnh 1991

- định hướng chung: đổi mới mô hình tăng trưởng và cơ cấu lại nền kinh tế chuyển mô hình tăng trưởng kinh tế theo chiều rộng sang tăng trưởng hợp lý theo chiều rộng và chiều sâu cơ cấu nền kinh tế theo hướng đạt hiệu quả và bền vững

-ĐH hoàn thiện bước nhận thức về nền KTTT định hướng XHCN

- ĐH khẳng định tiếp tục hoàn thiện thể chế KTTT định hướng XHCN là một trong 3 bước chiến lược của nước ta trong 10 năm tới

II. Tiếp tục hoàn thiện thể chế KTTT định hướng XHCN

1. Một số khái niệm

- Thể chế kinh tế là hệ thống các quy phạm pháp luật nhằm điều chỉnh các chủ thể kinh tế các hành vi sản xuất kinh doanh và các quan hệ kinh tế
- Thể chế KTTT là 1 tổng thể bao gồm các bộ quy tắc luật lệ và hệ thống các thực thể tổ chức được tạo lập nhằm điều chỉnh các hoạt động giao dịch thị trường bao gồm
 - + các quy tắc về hành vi kinh tế diễn ra trên thị trường
 - + Các bên tham gia trên thị trường với tư cách chủ thể thị trường
 - + Cách thực hiện các quy tắc nhằm đạt được kết quả
 - + Các thị trường nơi hàng hóa được giao dịch và trao đổi
- có 5 thị trường cơ bản. Thể chế thị trường định hướng XHCN là thể chế KTTT trong đó các tiết chế nguyên tắc công cụ vận hành được tự giác tạo lập và sử dụng để phát triển lực lượng sản xuất và cải thiện đời sống của nhân dân vì mục tiêu dân giàu nước mạnh công bằng văn minh

2. mục tiêu quan điểm hoàn thiện thể chế KTTT định hướng XHCN

a. Mục tiêu

- Mục tiêu cơ bản: làm cho các thể chế phù hợp với các nguyên tắc cơ bản của KTTT thúc đẩy KTTT định hướng XHCN phát triển
- Mục tiêu trước mắt:
 - + Từng bước xây dựng đồng bộ hệ thống PL đảm bảo cho nền KTTT định hướng XHCN phát triển thuận lợi
 - + Đổi mới cơ bản mô hình tổ chức và phương thức hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công
 - + Phát triển đồng bộ đa dạng các loại hình thị trường cơ bản thống nhất trong nước từng bước liên thông với thị trường khu vực và thế giới

+ Giải quyết tốt mối quan hệ giữa phát triển kinh tế và phát triển văn hóa xã hội

+ Nâng cao hiệu lực quản lý của nhà nước là phát huy vai trò của dân trong quản lý phát triển KT-XH

b. Quan điểm hoàn thiện thị trường định hướng XHCN

- Nhận thức đầy đủ tôn trọng và vận dụng đúng đắn các quy luật khách quan của KTTT

- Đảm bảo tính đồng bộ giữa các bộ phận cấu thành của thể chế kinh tế giữa các yếu tố thị trường và các loại thị trường của các thể chế kinh tế và thể chế chính trị xã hội

- Kế thừa có chọn lọc các thành tựu phát triển KTTT của nhân loại và kinh nghiệm tổng kết từ thực tiễn đổi mới của nước ta

- Chủ động tích cực giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn quan trọng

- Nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng hiệu lực và hiệu quả quản lý của nhà nước và phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị

3. Một số chủ trương tiếp tục hoàn thiện thể chế KTTT định hướng XHCN

- Thống nhất nhận thức về KTTT định hướng XHCN

- hoàn thiện thể chế sở hữu và các thành phần kinh tế loại hình doanh nghiệp và tổ chức sản xuất kinh doanh

- Hoàn thiện thể chế đảm bảo đồng bộ các yếu tố thị trường và phát triển đồng bộ các loại hình thị trường

- Hoàn thiện thể chế gắn liền và thị trường kinh tế tiên bộ công bằng xã hội trong từng bước từng chính sách phát triển và bảo vệ môi trường

- Hoàn thiện thể chế vai trò lãnh đạo của Đảng quản lý của Nhà nước và sự tham gia của các tổ chức quần chúng vào quan hệ phát triển KT XH

CHƯƠNG 6: ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ

I. Khái niệm

1. hệ thống chính trị
2. Cấu trúc hệ thống chính trị XHCN

II. Thời kì trước đổi mới bỏ

III. Đường lối xây dựng hệ thống chính trị thời kì đổi mới

1. quá trình hình thành đường lối

ĐH 6 (1986)

- đề ra đường lối đổi mới toàn diện trong đó có đổi mới về chính trị
- Đề ra nghị quyết TW 6 khóa 6(3/1989)
 - + dùng khái niệm hệ thống chính trị thay cho khái niệm chuyên chính vô sản
 - +Nêu ra nguyên tắc và giải pháp làm căn cứ đổi mới hệ thống chính trị

(Câu hỏi: khái niệm hệ thống chính trị được đảng nêu ra tại văn kiện nào?

Trả lời: nghị quyết trung ương 6 khóa 6 3/1989)

ĐH 7 (1991) thông qua cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kì quá độ đi lên CNXH trong đó trình bày quan điểm xây dựng hệ thống chính trị